
EY
Building a better
working world

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
DN: C=VN, L=ĐỒNG NAI, O=SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3601010336, E=PHUOCANPORT@VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.03.03 10:41:12+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch	
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên	
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Thái Phúc	Thành viên	
Ông Trần Nhân Tâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hoà	Thành viên
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Hoàng Hải	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2022
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2022
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đạt
Ông Trương Hoàng Hải

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 61606839/66716609-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**768.040.660.094**	**61.118.276.223**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***635.549.247.711***	***56.628.151.044***
111	1. Tiền		1.429.247.711	2.508.151.044
112	2. Các khoản tương đương tiền		634.120.000.000	54.120.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***77.367.541.311***	***3.046.465.662***
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	75.224.501.708	2.642.305.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.143.039.603	404.160.662
150	***III. Tài sản ngắn hạn khác***		***55.123.871.072***	***1.443.659.517***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		53.993.090	28.109.847
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	10	55.037.050.523	1.337.567.399
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	32.827.459	77.982.271
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.397.961.353.582**	**1.532.114.270.248**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***3.873.366.000***	***3.871.366.000***
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	3.861.366.000	3.861.366.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	12.000.000	10.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***6.159.711.460***	***5.061.372.991***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	6.159.711.460	5.061.372.991
222	Nguyên giá		12.334.449.587	10.132.022.180
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.174.738.127)	(5.070.649.189)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		41.733.000	41.733.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.733.000)	(41.733.000)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***2.387.763.593.194***	***1.523.181.531.257***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	2.387.763.593.194	1.523.181.531.257
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***9***	***-***	***-***
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***164.682.928***	***-***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		164.682.928	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.166.002.013.676**	**1.593.232.546.471**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.069.826.211.901**	**72.789.898.161**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.069.826.211.901***	***72.789.898.161***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		145.542.852	133.200.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	55.310.797	-
314	3. Phải trả người lao động		390.690.212	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	11	1.067.608.799.642	15.946.829.763
320	5. Vay ngắn hạn	12	-	55.000.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.625.868.398	1.709.868.398
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.096.175.801.775**	**1.520.442.648.310**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***13***	***2.096.175.801.775***	***1.520.442.648.310***
411	1. Vốn cổ phần		2.000.000.000.000	1.500.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.000.000.000.000*	*1.500.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		91.934.000.000	11.934.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.285.641.372	9.285.641.372
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.929.634	2.069.929.634
421	5. Lỗ lũy kế		(7.113.769.231)	(2.846.922.696)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước*		*(2.846.922.696)*	*(831.458.416)*
421b	*- Lỗ thuần sau thuế chưa phân phối năm nay*		*(4.266.846.535)*	*(2.015.464.280)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.166.002.013.676**	**1.593.232.546.471**

Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
21	**1. Doanh thu hoạt động tài chính**	**14**	**4.779.442.658**	**320.851.268**
26	**2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**15**	**(6.753.253.566)**	**(1.841.315.548)**
30	**3. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(1.973.810.908)**	**(1.520.464.280)**
31	**4. Thu nhập khác**	**16**	**310.684.932**	**-**
32	**5. Chi phí khác**	**16**	**(2.603.720.559)**	**(495.000.000)**
40	**6. Lỗ khác**		**(2.293.035.627)**	**(495.000.000)**
50	**7. Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(4.266.846.535)**	**(2.015.464.280)**
51	**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**17.1**	**-**	**-**
60	**9. Lỗ sau thuế TNDN**		**(4.266.846.535)**	**(2.015.464.280)**
70	**10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**	**13.5**	**(28)**	**(14)**
71	**11. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu**	**13.5**	**(28)**	**(14)**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(4.266.846.535)**	**(2.015.464.280)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		841.818.810	660.535.573
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.055.695.849)	(320.851.268)
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(9.480.723.574)**	**(1.675.779.975)**
09	Tăng các khoản phải thu		(53.944.418.212)	(836.464.679)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.054.619.895.546	(148.870.936)
12	Tăng chi phí trả trước		(190.566.171)	(28.109.847)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.094.986.302)	(4.057.246.083)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(84.000.000)	(183.300.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**976.825.201.287**	**(6.929.771.520)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(927.509.011.428)	(303.152.515.101)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		4.604.906.808	1.655.152.524
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(922.904.104.620)**	**(301.497.362.577)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	13.1	580.000.000.000	411.934.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	12	177.160.000.000	55.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	12	(232.160.000.000)	(148.631.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**525.000.000.000**	**318.303.000.000**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**578.921.096.667**	**9.875.865.903**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**56.628.151.044**	**46.752.285.141**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**635.549.247.711**	**56.628.151.044**

Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 17 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này. Thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.15 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	290.473.572	987.417.701
Tiền gửi ngân hàng	1.138.774.139	1.520.733.343
Các khoản tương đương tiền *(*)*	634.120.000.000	54.120.000.000
TỔNG CỘNG	**635.549.247.711**	**56.628.151.044**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất là 3,2%/năm đến 6%/năm.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**75.224.501.708**	**2.642.305.000**
Trả trước cho người bán	2.428.011.082	2.642.305.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng Kỹ thuật biển	939.318.000	1.282.930.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Môi Trường Phúc An Khang	659.175.000	659.175.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	552.000.000	552.000.000
Khác	277.518.082	148.200.000
Trả trước cho các bên liên quan (*Thuyết minh số 18*)	72.796.490.626	-
Dài hạn	**3.861.366.000**	**3.861.366.000**
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Nga Sơn	3.861.366.000	3.861.366.000
TỔNG CỘNG	**79.085.867.708**	**6.503.671.000**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**2.143.039.603**	**404.160.662**
Lãi tiền gửi	1.743.842.411	293.053.370
Tạm ứng cho nhân viên	291.989.900	-
Khác	107.207.292	111.107.292
Dài hạn	**12.000.000**	**10.000.000**
Ký quỹ, ký cược	12.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG	**2.155.039.603**	**414.160.662**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	3.908.403.636	5.872.660.909	350.957.635	10.132.022.180
Mua mới	-	2.202.427.407	-	2.202.427.407
Số cuối năm	3.908.403.636	8.075.088.316	350.957.635	12.334.449.587
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	*2.003.751.818*	*350.957.635*	*2.354.709.453*
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(2.497.035.664)	(2.222.655.890)	(350.957.635)	(5.070.649.189)
Khấu hao trong năm	(651.400.608)	(452.688.330)	-	(1.104.088.938)
Số cuối năm	(3.148.436.272)	(2.675.344.220)	(350.957.635)	(6.174.738.127)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.411.367.972	3.650.005.019	-	5.061.372.991
Số cuối năm	759.967.364	5.399.744.096	-	6.159.711.460

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bồi thường giải phóng mặt bằng *(*)*	1.552.380.309.792	1.391.553.649.792
Chi phí triển khai dự án	721.369.344.440	49.698.200.450
Thiết kế bản vẽ thi công	19.871.888.478	21.400.035.625
Khảo sát địa chất	16.223.225.865	16.223.225.865
Rà phá bom mìn	15.570.740.040	15.570.740.040
Lập dự án đầu tư	11.458.463.203	11.458.463.203
Khác	50.889.621.376	17.277.216.282
TỔNG CỘNG	**2.387.763.593.194**	**1.523.181.531.257**

(*) Bao gồm 98.611.115.000 VND và 62.215.545.000 VND là chi phí hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng và phát triển, bảo vệ đất trồng lúa cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai và Cục thuế tỉnh Đồng Nai theo Công văn Số 118/TTPTQĐ ngày 16 tháng 2 năm 2022, Công văn Số 1420/QDD-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Công văn Số 4590/STC-QLG&CS ngày 12 tháng 07 năm 2021.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền là 10.306.808.453 VND (2021: 3.575.958.799 VND).

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao *(*)*		
Giá gốc	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Giá trị còn lại	-	-

(*) Công ty sở hữu 10% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("SOPEWACO"), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKDN số 3601050089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 9 năm 2008. SOPEWACO có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, SOPEWACO đang dừng hoạt động.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.337.567.399	53.699.483.124	-	55.037.050.523
Thuế thu nhập cá nhân	45.154.812	-	(45.154.812)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.827.459	-	-	32.827.459
TỔNG CỘNG	**1.415.549.670**	**53.699.483.124**	**(45.154.812)**	**55.069.877.982**
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	-	386.578.267	(331.267.470)	55.310.797

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	1.046.545.884.000	13.345.884.000
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa ("Tín Nghĩa") (*)	*1.033.200.000.000*	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương	*13.345.884.000*	*13.345.884.000*
Phải trả lợi nhuận phân chia từ HĐHTKD với Tín Nghĩa	20.964.394.521	-
Lãi vay phải trả bên khác	-	2.511.924.658
Khác	98.521.121	89.021.105
TỔNG CỘNG	**1.067.608.799.642**	**15.946.829.763**

(*) Vào ngày 27 tháng 10 năm 2022, Công ty đã ký kết HĐHTKD với Tín Nghĩa, với tổng giá trị là 2.066.400.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 953/NQ-PAP ngày 31 tháng 8 năm 2022. Theo đó, Tín Nghĩa sẽ góp vốn đầu tư xây dựng và nhận lại giá trị phí sử dụng hạ tầng với tỷ suất lợi nhuận tối thiểu là 12%/năm trên khu đất hợp tác tại Dự án Khu Công nghiệp cảng Phước An với tổng diện tích là 600.000 m2.

12. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Trả nợ vay trong năm*	*Số cuối năm*
Vay bên khác	55.000.000.000	177.160.000.000	(232.160.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**55.000.000.000**	**177.160.000.000**	**(232.160.000.000)**	**-**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lỗ lũy kế*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Số đầu năm	1.100.000.000.000	9.285.641.372	-	2.069.929.634	(831.458.416)	1.110.524.112.590
Phát hành cổ phần	400.000.000.000	-	11.934.000.000	-	-	411.934.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(2.015.464.280)	(2.015.464.280)
Số cuối năm	1.500.000.000.000	9.285.641.372	11.934.000.000	2.069.929.634	(2.846.922.696)	1.520.442.648.310
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Số đầu năm	1.500.000.000.000	9.285.641.372	11.934.000.000	2.069.929.634	(2.846.922.696)	1.520.442.648.310
Phát hành cổ phần *(*)*	500.000.000.000	-	80.000.000.000	-	-	580.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(4.266.846.535)	(4.266.846.535)
Số cuối năm	2.000.000.000.000	9.285.641.372	91.934.000.000	2.069.929.634	(7.113.769.231)	2.096.175.801.775

(*) Vào ngày 11 tháng 11 năm 2022, Công ty đã phát hành 50.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư cá nhân với giá phát hành là 11.600 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 192/NQ-PAP ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 546/NQ-PAP ngày 16 tháng 6 năm 2022. Vào ngày 9 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty từ 1.500.000.000.000 VND lên 2.000.000.000.000 VND.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		*Ngày 31 tháng 12 năm 2021*	
	Cổ phiếu thường	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Cổ phiếu thường*	*Tỷ lệ sở hữu %*
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	40.197.900	20,10	66.000.000	44,00
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.000.000	17,50	35.000.000	23,33
Cổ đông khác	124.802.100	62,40	49.000.000	32,67
TỔNG CỘNG	**200.000.000**	**100**	**150.000.000**	**100**

13.3 *Các giao dịch về vốn với cổ đông*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.500.000.000.000	1.100.000.000.000
Phát hành cổ phần	500.000.000.000	400.000.000.000
Số cuối năm	2.000.000.000.000	1.500.000.000.000

13.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	200.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	200.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	200.000.000	150.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.5 Lỗ trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	**(4.266.846.535)**	**(2.015.464.280)**
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	152.068.493	147.150.685
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	**152.068.493**	**147.150.685**
Lỗ trên cổ phiếu *(VND)*		
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	*(28)*	*(14)*
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	*(28)*	*(14)*

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	4.779.442.658	320.851.268

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lương	4.074.691.605	321.342.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.776.988.340	754.737.755
Chi phí khấu hao	841.818.810	660.535.573
Khác	59.754.811	104.700.000
TỔNG CỘNG	**6.753.253.566**	**1.841.315.548**

16. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**310.684.932**	-
Bồi thường nhận được khi chấm dứt hợp đồng	310.684.932	-
Chi phí khác	**(2.603.720.559)**	**(495.000.000)**
Phạt vi phạm hành chính	(2.603.720.559)	(495.000.000)
LỖ THUẦN KHÁC	**(2.293.035.627)**	**(495.000.000)**

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ kế toán trước thuế	**(4.266.846.535)**	**(2.015.464.280)**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(853.369.307)	(403.092.856)
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	595.944.112	127.200.000
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận	257.425.195	275.892.856
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

17.2 Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

17.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 12.574.623.250 VND (31 tháng 12 năm 2021: 11.287.497.274 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*
2018	2023	12.930.119.055	(3.022.086.061)	9.908.032.994
2021	2026	1.379.464.280	-	1.379.464.280
2022	2027	1.287.125.976	-	1.287.125.976
TỔNG CỘNG		**15.596.709.311**	**(3.022.086.061)**	**12.574.623.250**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	Công ty mẹ cao nhất của cổ đông	Thi công dự án	660.503.609.886	-

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư khoản trả trước cho bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	Công ty mẹ cao nhất của cổ đông	Thi công dự án	72.796.490.626	-

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch	54.000.000	6.000.000
Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch	-	33.000.000
Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên/ Tổng Giám đốc	515.282.415	652.875.142
Đào Minh Tùng	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	611.082.183	544.621.240
Trần Ngọc Dũng	Thành viên	54.000.000	36.000.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	54.000.000	36.000.000
Nguyễn Thái Phúc	Thành viên	54.000.000	6.000.000
Trần Nhân Tâm	Thành viên	36.000.000	-
Ban Kiểm soát			
Bùi Hữu Giang	Trưởng ban	331.039.315	309.187.000
Đào Đức Mạnh	Thành viên	274.361.032	191.201.300
Nguyễn Duy Hoà	Thành viên	32.400.000	24.000.000
		2.016.164.945	**1.838.884.682**

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Dương Thị Tú Anh	Trương Hoàng Hải
Người lập / Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023